

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03/02/2026.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh On**

2. Ông **Lê Văn Thuyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** - Thư ký Tòa án khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Lê Văn T**, sinh ngày 01/01/1982. Số căn cước công dân: 095082001877; Ngày cấp: 12/5/2022. Địa chỉ: ấp H3, xã PL, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Chị **Phạm Thị Đ**, sinh ngày 07/8/1988. Số căn cước công dân: 095188002057; Ngày cấp: 24/10/2023. Địa chỉ: ấp H3, xã PL, tỉnh Cà Mau.

(Anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị Đ vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2025 nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/7/2007. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay nhưng không hàn gắn lại được. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Đ.

Về quan hệ con chung: Anh T xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị Đ có 02 người con chung là cháu Lê Khánh B, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011. Hiện tại cháu Lê Khánh B đã trưởng thành còn cháu Lê Vĩ Đ thì đang sống chung với anh T. Anh T xác định do cháu Lê Khánh B, sinh ngày 02/01/2007 đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2025, bị đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/7/2007. Chị Đ cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì nhiều. Hiện tại hai vợ chồng chị không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị Đ không đồng ý. Về con chung: Chị Đ xác định giữa chị và anh T có 02 người con chung là cháu Lê Khánh B, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011. Hiện tại cháu B đã trưởng thành còn cháu Lê Vĩ Đ thì đang sống chung với anh T. Chị Đ xác định nếu phải ly hôn thì tùy nguyện vọng của cháu Lê Vĩ Đ muốn theo ai thì chị đồng ý giao cho người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Thị Đ;
2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phạm Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp H3, xã PL, tỉnh Cà Mau nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn anh Lê Văn T tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn T. Bị đơn chị Phạm Thị Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 31/7/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, anh T xác định giữa anh và chị Đ có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không thể hàn gắn với chị Đ được nữa. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ. Chị Đ thì không đồng ý ly hôn, chị cho rằng vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì nhiều nhưng hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Chị Đ không đồng ý ly hôn nhưng chị lại không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, khi được Tòa án triệu tập hoà giải thì chị Đ vắng mặt. Điều đó cho thấy giữa anh T và chị Đ không thể hàn gắn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh được biết anh T và chị Đ đã không còn sống chung với nhau từ đã lâu. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Thị Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh T và chị Đ xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Lê Khánh B, sinh ngày 02/01/2007 và cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011. Hiện tại cháu Lê Khánh B, sinh ngày 02/01/2007 đã trưởng thành còn cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 thì đang sống chung với anh T. Do cháu Lê Khánh B trên 18 tuổi nên anh T và chị Đ không yêu cầu giải quyết. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011, còn chị Đ thì xác định tùy theo nguyện vọng của cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 muốn theo ai thì chị đồng ý giao cho người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 hiện đang sống với anh T, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được theo sống chung với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T

phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Thị Đ.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Vĩ Đại, sinh ngày 04/6/2011 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001092, ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phước Long, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi